

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên.
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1995; Hộ khẩu cư trú: Tổ 01, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã B, thị xã M, tỉnh K. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Long H**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Huỳnh Long H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh H đã không còn chung sống như vợ chồng từ khoảng tháng 2 năm 2017 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị L yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Long H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu X, sinh ngày 03/9/2016, hiện đang sống với chị L. Nay chị L có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng trung bình 6.600.000đ nên chị L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu X, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Long H trình bày như sau:

Anh H và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 10 năm 2013 tại UBND phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn như chị L trình bày. Hiện anh H đã không còn chung sống với chị L hơn hai năm và không còn tình cảm gì với chị L. Nay anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là cháu X, sinh ngày 03/9/2016. Anh H có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng trung bình 9.922.000đ/tháng nên anh H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu X và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Long H; địa chỉ: Tổ 1, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Long H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L và anh H có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến kinh cãi nhiều lần nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh H đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2017, không ai còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Long H là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu X, sinh ngày 03/9/2016. Hiện tại cháu X đang ở với chị L và do chị L nuôi dưỡng từ khi chị L và anh H không chung sống đến nay.

Xét chị L và anh H đang trong độ tuổi lao động, có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị L và anh H đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu X, yêu cầu này của chị L và anh H là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên cháu X hiện còn nhỏ, được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục từ tháng 02/2017 đến nay, chị L có công việc ổn định tại công ty Công Ty TNHH Gallant Ocean VN với thu

nhập trung bình 6.626,617đ/tháng. Anh H trong thời gian chuẩn bị xét xử không chứng minh được điều kiện để nuôi con như công việc và thu nhập, tại phiên Tòa hôm nay anh H trình bày đang làm việc tại Công ty TNHH Green Cera VN tại thị xã C, tỉnh D với thu nhập 9.922.000đ/tháng, nhưng chứng cứ anh H cung cấp không chứng minh được nơi làm việc cũng như thu nhập như anh H nêu trên. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi cháu X của chị L. Không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc được nuôi cháu Hân.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Huỳnh Long H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Huỳnh Long H.

- *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X, sinh ngày 03/9/2016, khi cháu X chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004179 ngày 18 tháng 11

năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Huỳnh Long H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (16/3/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường N, TX A;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đình Nguyên Trịnh Duy Phước

Lê Long Sơn

TM.